CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương

Ngày 15/01/2024	5,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	-	-

DT thuần
Q4/23
126
tỷ VNĐ
QoQ: ▼52.0| -29.0%
YoY: ▼156| -55.2%

LN thuần
Q4/23
-1.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.06| 81.7%
YoY: ▼8.68| -126%

LN sau thuế
Q4/23
0.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.14| -92.1%
YoY: ▼1.43| -93.6%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
-16.5%
YoY: +/-▼ 29.5%

ROE
2023
-28.0%
YoY: +/-▼ 33.9%

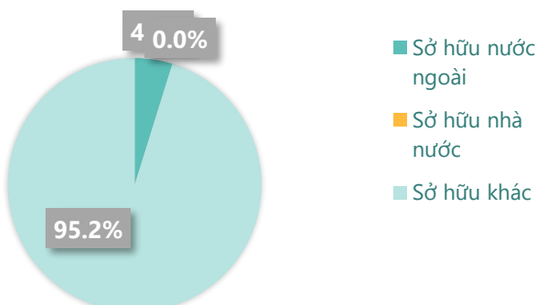
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,600 - 43,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	335
Số lượng CPLH (CP)	59,839,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)	807,316
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	1.28
EPS	-3,192
P/E	-1.8

DT thuần
2023
654
tỷ VNĐ
YoY: ▼321| -32.9%

LN thuần
2023
-199
tỷ VNĐ
YoY: ▼261| -421%

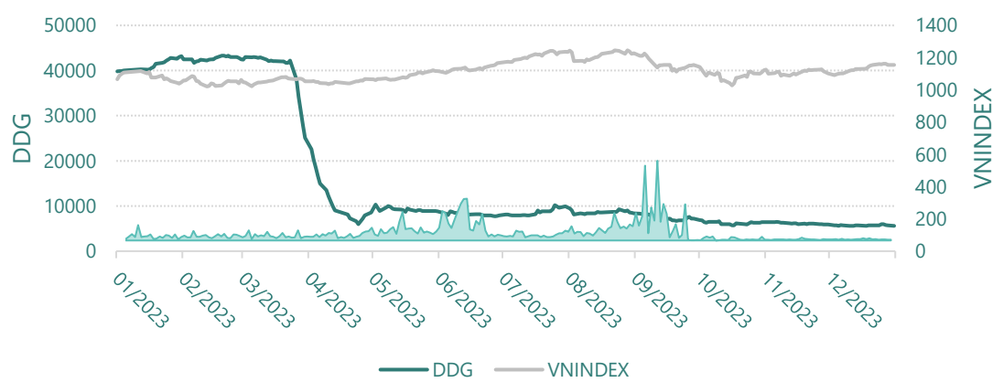
LN sau thuế
2023
-192
tỷ VNĐ
YoY: ▼236| -533%

Cơ cấu sở hữu

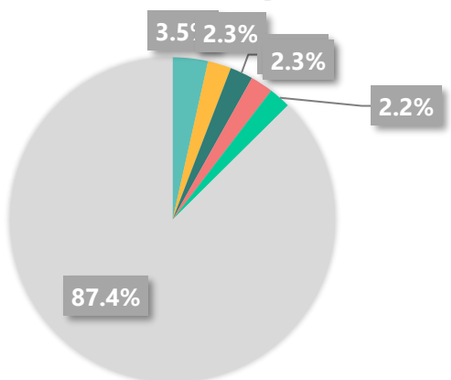


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



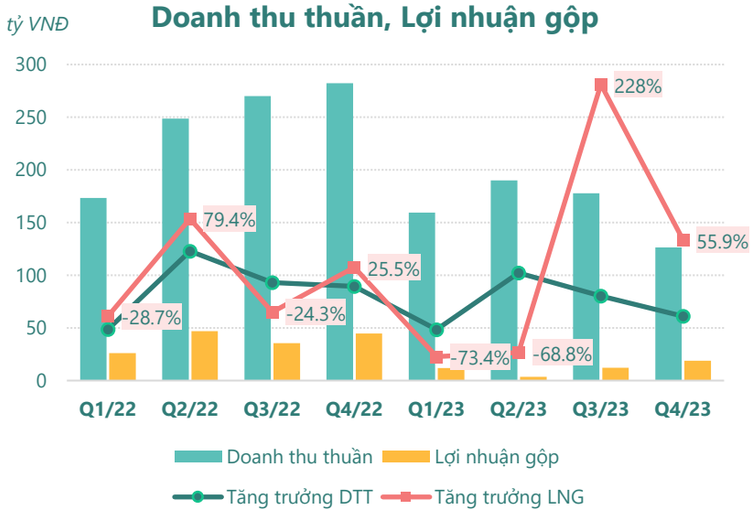
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

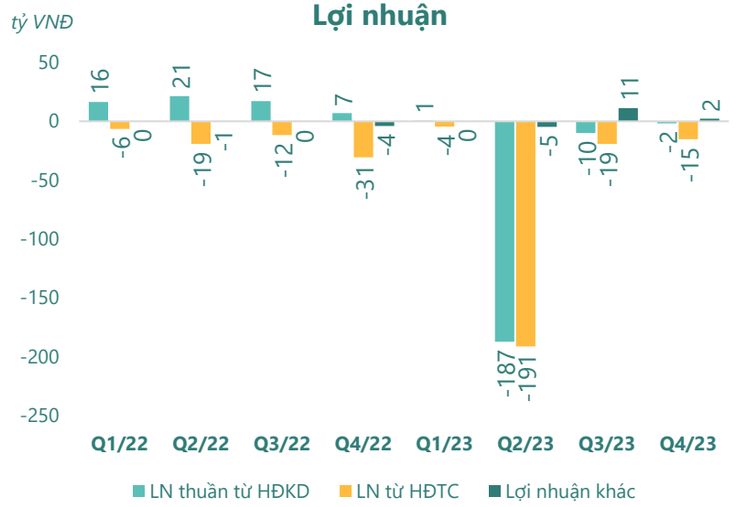
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



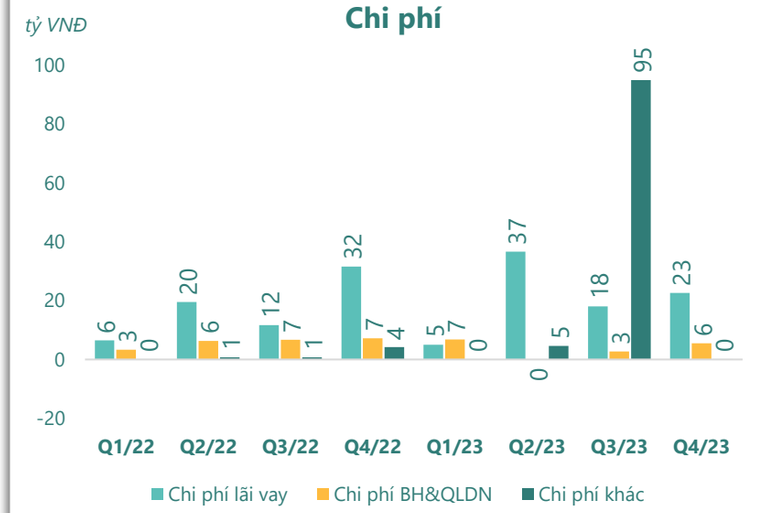
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



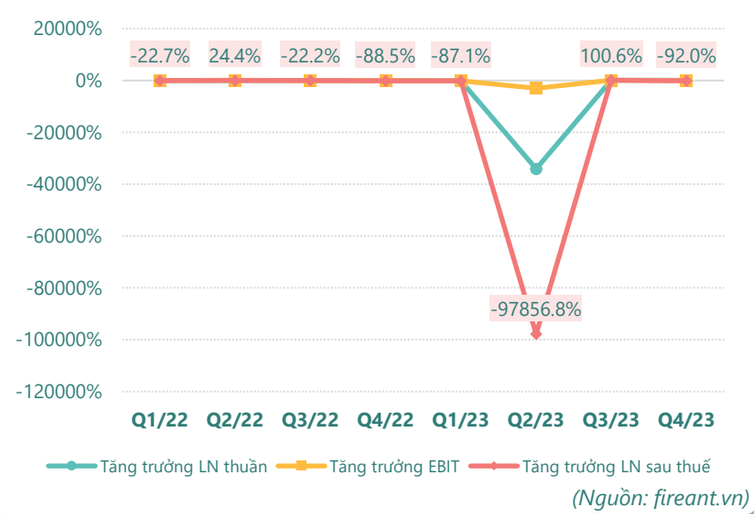
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



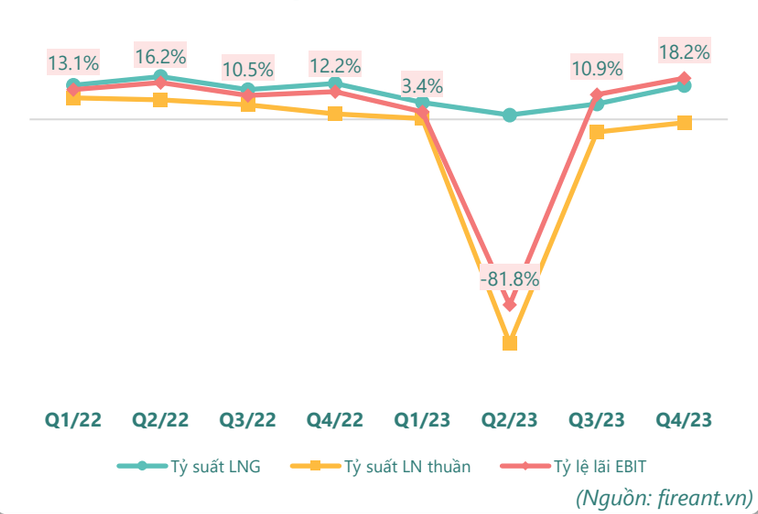
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



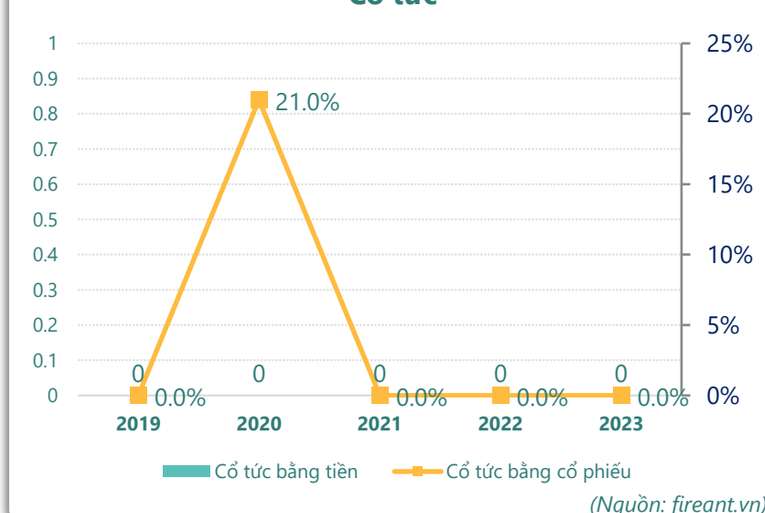
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

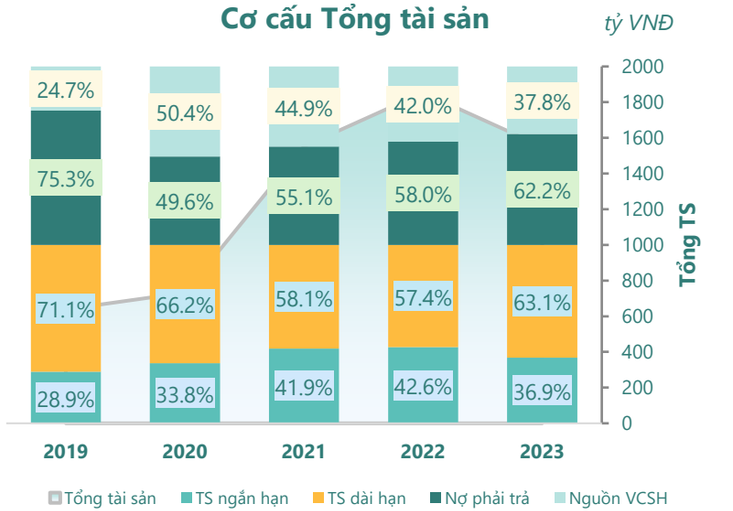
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

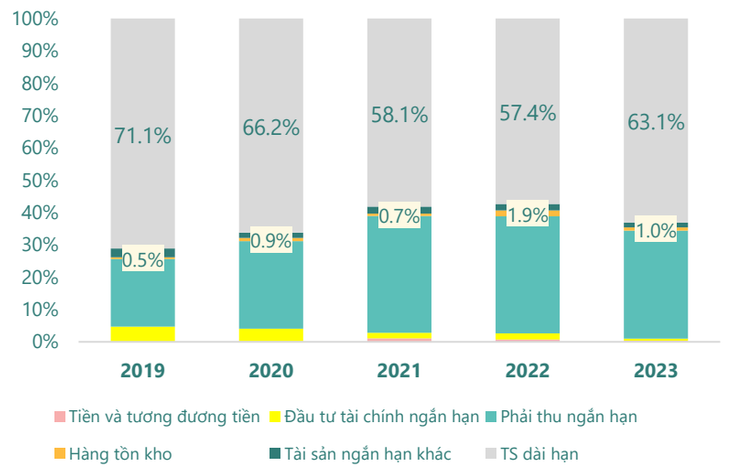
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



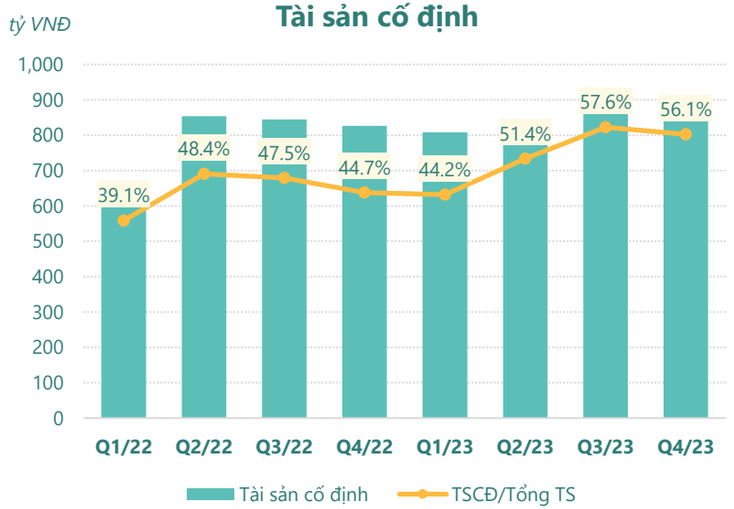
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



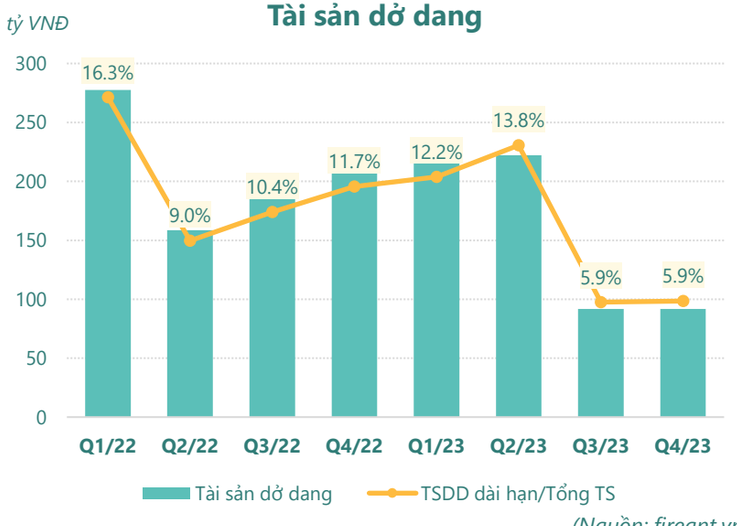
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



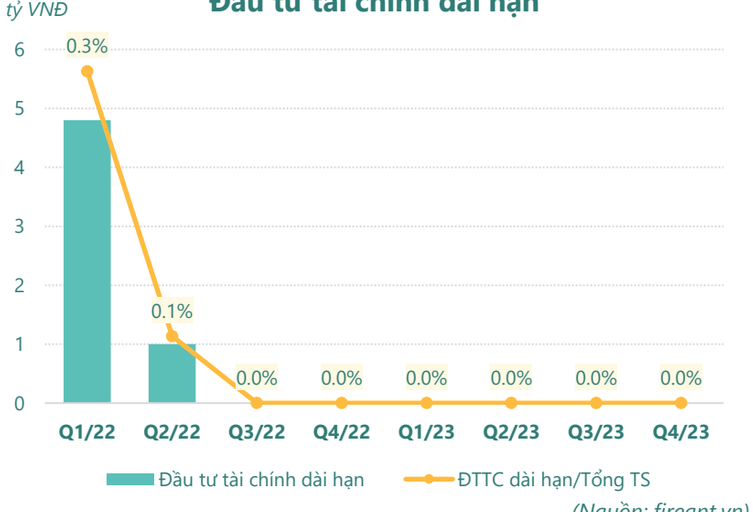
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



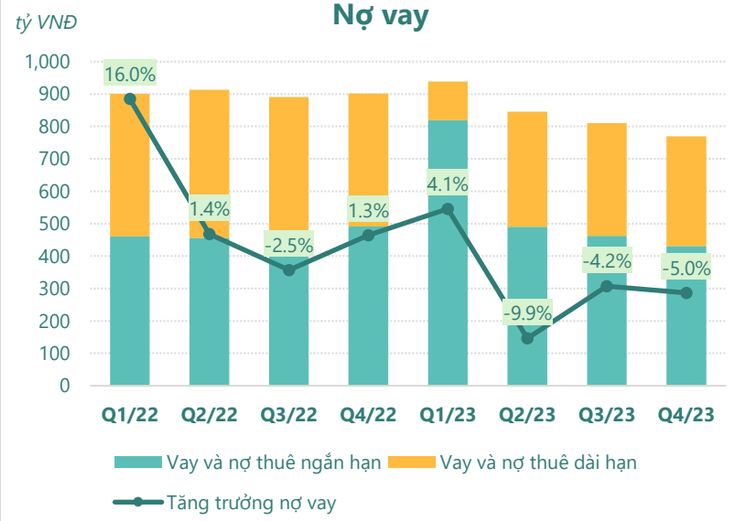
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

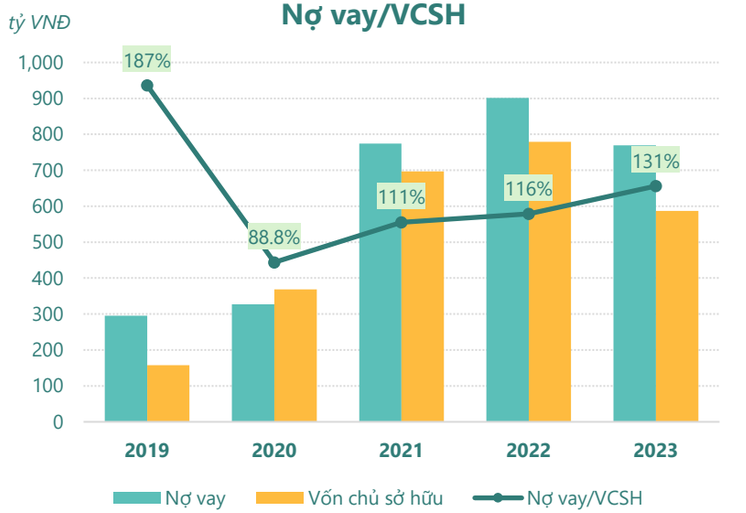
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

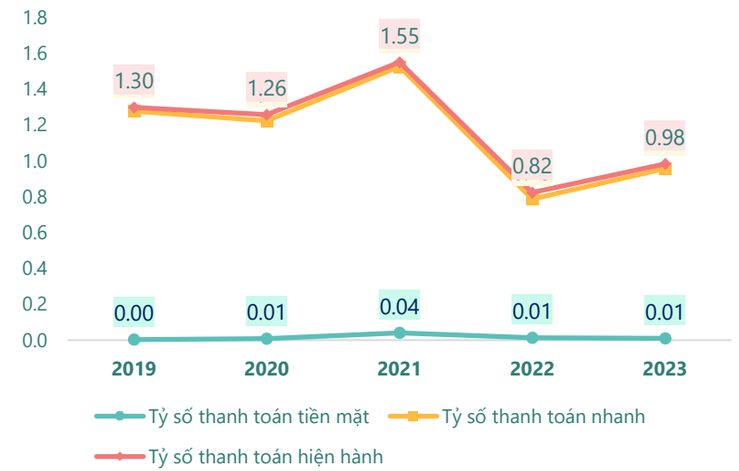
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



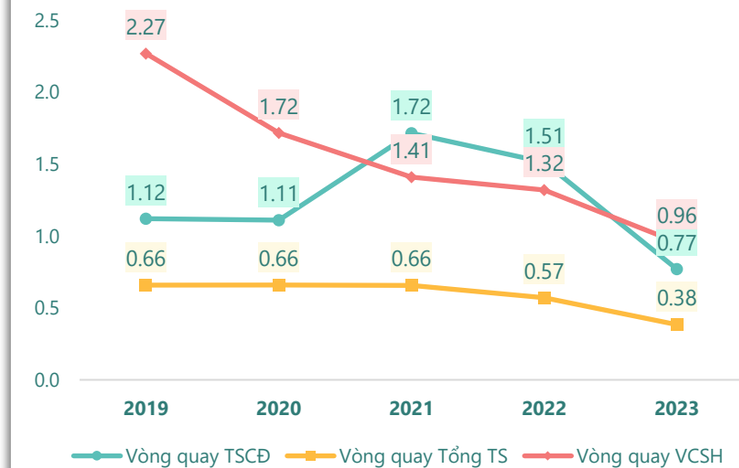
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



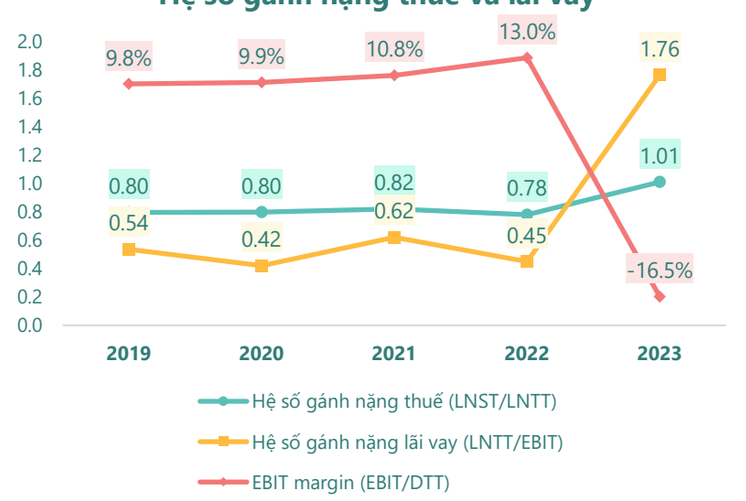
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



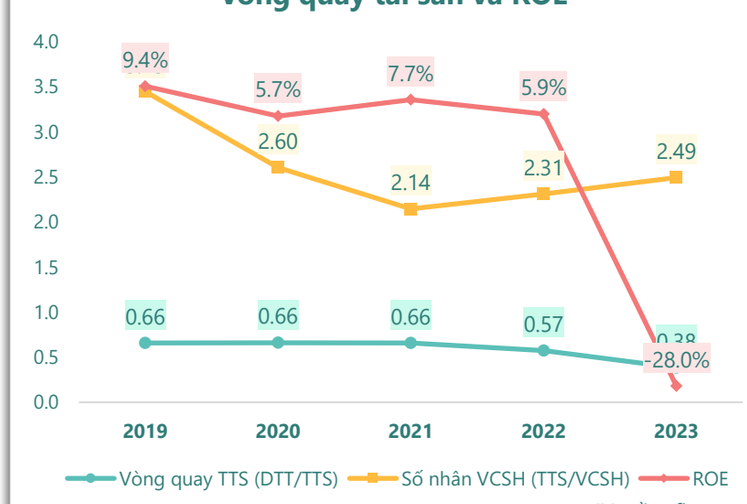
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



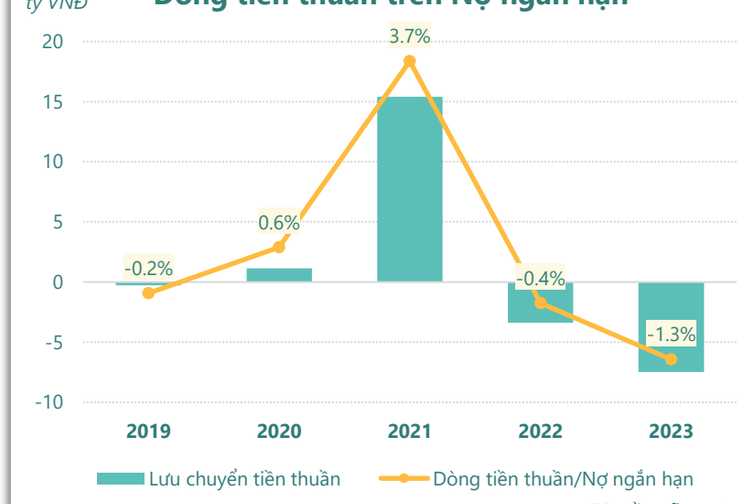
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**126**	**282**	**-55.2%**	**654**	**975**	**-32.9%**
Giá vốn hàng bán	108	238	-54.8%	607	821	-26.1%
Lợi nhuận gộp	18.9	44.6	-57.6%	46.6	153	-69.6%
Doanh thu HĐTC	8.19	1.36	502%	9.72	1.95	398%
Chi phí TC	23.4	31.9	-26.8%	240	69.8	244%
Chi phí lãi vay	22.6	31.6	-28.4%	82.3	69.8	18.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	3.33	-100%	0	7.93	-100%
Chi phí QLDN	**5.54**	**3.84**	**44.2%**	**14.9**	**15.6**	**-4.2%**
LN thuần từ HĐKD	-1.81	6.87	-126%	-199	61.9	-421%
Lợi nhuận khác	**2.15**	**-3.90**	**155%**	**8.48**	**-5.04**	**268%**
LN trước thuế	0.34	2.97	-88.5%	-190	56.8	-434%
Lợi nhuận sau thuế	**0.10**	**1.53**	**-93.6%**	**-192**	**44.3**	**-533%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.73**	**1.40**	**-47.9%**	**-191**	**43.8**	**-536%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.2	21.3	-10.7	108	-30.8	37.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.4	-68.9	-26.7	-25.0	71.1	0.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.5	48.8	36.9	-92.8	-35.9	-40.3
Tiền đầu kỳ	13.1	12.4	13.6	13.0	3.35	7.76
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.69**	**1.20**	**-0.61**	**-9.62**	**4.41**	**-1.66**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	12.4	13.6	13.0	3.35	7.76	6.10

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**1,550**	**1,853**	**-16.4%**
Tài sản ngắn hạn	571	790	-27.7%
Tiền và tương đương tiền	6.10	13.6	-55.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	34.8	-71.2%
Phải thu ngắn hạn	517	671	-22.9%
Hàng tồn kho	15.4	34.8	-55.7%
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	36.4	-37.9%
Tài sản dài hạn	**979**	**1,063**	**-7.9%**
Phải thu dài hạn	1.53	1.65	-7.2%
Tài sản cố định	870	827	5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	91.7	217	-57.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**8.52**	**9.99**	**-14.7%**
Lợi thế thương mại	6.77	7.62	-11.2%
Nợ phải trả	964	1,074	-10.3%
Nợ ngắn hạn	**581**	**960**	**-39.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	431	791	-45.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.3	130	-62.9%
Nợ dài hạn	383	114	235%
Vay và nợ thuê dài hạn	339	111	205%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**587**	**779**	**-24.7%**
Vốn chủ sở hữu	**587**	**779**	**-24.7%**
Vốn điều lệ	598	598	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)